TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ G** **TỈNH B**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 219/2023/QĐST – HNGĐ	*Giá Rai, ngày 08 tháng 8 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số : 307/2023/TLST – HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Trần Mỹ N**, sinh năm 1983

+ Địa chỉ: Khóm 5, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.

Bị đơn: Anh **Phạm Quang V**, sinh năm 1981

+ Địa chỉ: Khóm 5, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **Ngân hàng chính sách xã hội thị xã G**

+ Địa chỉ: Quốc lộ 1A, khóm 1, phường 1, thị xã G, tỉnh B.

+ Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Thanh T – Cán bộ tín dụng.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 33, 55, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 31 tháng 7 năm 2023,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 31 tháng 7 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị **Trần Mỹ N** và anh **Phạm Quang V**.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Chị Trần Mỹ N và anh Phạm Quang V thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao người con chung tên Phạm Trường Thịnh, sinh ngày 16/9/2011 cho chị Trần Mỹ N tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi

dưỡng, tạm miễn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh Phạm Quang V, anh Phạm Quang V có quyền thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

- Về tài sản chung. Theo biên bản đo đạc xem xét thẩm định tại chổ và Định giá ngày 06/7/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, các bên thống nhất cụ thể như sau, chị Trần Mỹ N tự nguyện thống nhất nhận giá trị tài sản chung số tiền 416.115.000đ, anh Phạm Quang V thống nhất tự nguyện nhận hiện vật là nhà ở, dãy nhà trọ 01 và dãy nhà trọ 02, tọa lạc tại khóm 5, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, vì vậy:

+ Buộc anh Phạm Quang V giao cho chị Trần Mỹ N giá trị nhà ở phía trước 109.312.000đ, giá trị dãy nhà trọ số một với số tiền là 200.723.000đ và giá trị dãy nhà trọ số hai là 106.080.000đ. Tổng số tiền là 416.115.000đ.

+ Buộc chị Trần Mỹ N giao cho anh Phạm Quang V được quyền quản lý sử dụng, các tài sản tọa lạc tại khóm 5, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, theo biên bản đo đạc xem xét thẩm định tại chổ ngày 06/7/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu, cụ thể như sau:

Nhà ở phía trước: Chiều ngang 5,2m; chiều dài 9,3m; diện tích 48,36m^2. Kết cấu: Khung cột bê tông cốt thép, vách xây tường sơn nước, máy lợp tool mạ kẽm, nền lót gạch men.

Dãy nhà trọ 01: Chiều ngang 4,8m; chiều dài 18,5m; diện tích 88,8m^2. Kết cấu: Khung cột bê tông cốt thép, vách xây tường sơn nước, máy lợp tool mạ kẽm, nền lót gạch men.

Dãy nhà trọ 02: Chiều ngang 5,2m; chiều dài 18,05m; diện tích 93,86m^2. Kết cấu: Khung cột bê tông cốt thép, vách xây tường sơn nước, máy lợp tool xi măng, nền lót gạch men.

- Về nợ chung: Chị Trần Mỹ N và anh Phạm Quang V thống nhất nợ Ngân hàng chính sách xã hội thị xã Giá Rai là 47.500.000đ, thống nhất mỗi người chịu ½ số nợ trên, vì vậy:

+ Buộc chị Trần Mỹ N trả cho Ngân hàng chích sách xã hội thị xã Giá Rai số tiền vay là 23.750.000đ, theo sổ vay vốn 7102414047.

+ Buộc anh Phạm Quang V trả cho Ngân hàng chính sách xã hội thị xã Giá Rai số tiền vay là 23.750.000đ, theo sổ vay vốn 7102414047.

Về hình thức thực hiện: Các bên yêu cầu ấn định trong giai đoạn thi hành án.

- Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Chị Trần Mỹ N tự nguyện thống nhất chịu án phí:

+ Án phí hôn nhân không có giá ngạch hòa giải thành là 150.000đ, chị N tự nguyện nộp nên buộc chị N nộp 150.000đ, nộp tại chi Cục thi hành án dân sự thị xã Giá Rai.

+ Án phí có giá ngạch chia tài sản chung là 10.322.300đ, chị N tự nguyện chịu 5.161.150đ, nên buộc chị N phải nộp 5.161.150đ, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Giá Rai.

+ Án phí thực hiện nghĩa vụ trả nợ: Chị N phải chịu 593.750đ, nên buộc chị N nộp 593.750đ nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Giá Rai.

Tổng án phí chị N phải chịu là 5.904.900đ, chị N đã dự nộp 9.000.000đ, lai thu số 0014792, ngày 12/6/2023, sau khi đối trừ chị N nhận lại 3.095.000đ nhận tại chi cục thi hành án dân sự thị xã Giá Rai.

Anh Phạm Quang V tự nguyện thống nhất chịu án phí:

+ Án phí có giá ngạch chia tài sản chung anh Phạm Quang V tự nguyện chịu 5.161.150đ, nên buộc anh Phạm Quang V phải nộp 5.161.150đ, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Giá Rai.

+ Án phí thực hiện nghĩa vụ trả nợ: Anh Phạm Quang V phải chịu 593.750đ nên buộc anh Phạm Quang V phải nộp 593.750đ nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Giá Rai.

Tổng số tiền án phí anh Phạm Quang V phải chịu là 5.754.900đ nên buộc anh Phạm Quang V phải nộp 5.754.900đ, nộp tại chi cục thi hành án dân sự thị xã Giá Rai.

- Chi phí tố tụng chị N đã dự nộp 3.000.000đ, đã chi phí hết 900.000đ, chị N tự nguyện chịu nên hoàn lại chị Trần Mỹ N 2.100.000đ, tại Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai.

Trong trường hợp thỏa thuận này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

4. Trong trường hợp thỏa thuận này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

<u>Nơi nhận</u>:
+ Đương sự;
+ VKSND thị xã G;
+ UBND phường H;
+ Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Phai